

VỀ CHỦ QUYỀN CỦA VIỆT NAM TẠI BIỂN ĐÔNG QUA TƯ LIỆU KHẢO CỔ HỌC

LẠI VĂN TỚI*

TÓM TẮT

Qua nguồn tư liệu khảo cổ học, bài viết khẳng định, từ thời tiền sơ sử đến nay, người Việt đã cư trú liên tục ở ven biển miền Nam Việt Nam, cả trên đất liền và hải đảo, trong đó, có quần đảo Hoàng Sa. Đây là những bằng chứng xác thực, góp phần khẳng định chủ quyền lãnh thổ và lãnh hải thiêng liêng của Việt Nam tại khu vực biển Đông.

Từ khóa: Chủ quyền của Việt Nam tại biển Đông, quần đảo Trường Sa

ABSTRACT

Through archaeological documents, the paper determines that, from the ancient time to present, Viet people have been continuously living in the maritime region of Southern Vietnam, both in land and in islands, including Paracel Islands. These are clear evidences to certify the territory and sea sovereignty of Vietnam in East Sea.

Key words: sovereignty of Vietnam in East Sea, Paracel archipelago.

1. Từ định hướng biển của cư dân tiền - sơ sử...

1.1. Trong số các tỉnh ven biển miền Nam nước ta, khảo cổ học đã phát hiện được 15 di tích tập trung ở huyện đảo Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (11 di tích) và huyện đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (4 di tích). Đây cũng là hai quần đảo lớn nhất khu vực Đông và Tây Nam Bộ. Tại hai quần đảo này, trên các đảo lớn, như Côn Lôn (Côn Đảo) và Thổ Chu (Phú Quốc) đều có thung lũng (hình bán nguyệt) rộng lớn, hướng mở ra biển. Côn Đảo và Thổ Chu có những đặc điểm địa lý tương đồng, đều thuộc khí hậu á xích đạo đại dương, có hệ thực vật thuộc loại rừng phủ xanh quanh năm, độ ẩm cao, lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 2,200mm - 2.500mm, có nguồn nước ngọt ổn định. Rừng Côn Đảo và Thổ Chu đang là khu bảo tồn thiên nhiên, với nhiều loại động vật trên đất liền và dưới biển. Hai khu vực này đều có vị trí đặc biệt quan trọng - án ngữ trục giao thông huyết mạch trên biển giữa Bắc - Nam và Đông - Tây của biển Đông và vùng biển Tây - Nam. Những đặc điểm sinh thái nhân văn

này đã quy định cuộc sống của các cộng đồng cư dân trên đảo từ hàng nghìn năm trước cho tới nay, đồng thời cũng lý giải hiện tượng phân bố đậm đặc của các di tích khảo cổ học từ sơ kỳ thời đại Kim khí - sơ kỳ thời đại Sắt sớm ở đây.

Hiện mới dừng ở những mức độ phát hiện nghiên cứu khác nhau, nhưng chúng ta đã thấy, hầu hết các quần đảo tiền tiêu và đảo ven bờ vùng biển miền Nam Việt Nam đều đã phát hiện được những địa điểm cư trú và địa điểm mộ táng ở giai đoạn cuối thời đại Kim khí - sơ kỳ thời đại đồ Sắt đến những thế kỷ đầu Công nguyên. Đó là những di chỉ cư trú, như Hòn Cau, Cồn An Hải, Hàng Dương, Cồn Cây Đa, Nhà máy Nước và các khu nghĩa địa mộ vò Cồn An Hải, khu nghĩa địa mộ vò - bình Cồn Miếu Bà, Cồn Hải Đăng tại Côn Đảo (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu); những địa điểm cư trú, như Bãi Ngự - Bãi Mun và khu mộ chum - vò Bãi Đông, địa điểm cư trú Ấp 3 - Hòn Tre, với những di vật chum, vò trong hang núi đảo Hòn Tre, mộ trống đồng Đông Sơn tại đảo Lại Sơn - Kiên Hải và hàng trăm công cụ đá, gốm riêu, bôn, cuốc, hạt xoàn và mấy chục mảnh gốm tại khu vực Ấp 3, xã Cửa Cạn, huyện Phú Quốc (nhiều khả

* Trung tâm Nghiên cứu kinh thành

năng, ở Cửa Cạn cũng tồn tại song hành những di chỉ cư trú và khu mộ táng, như ở Thổ Chu, hay Côn Đảo). Ngoài ra, còn một số phát hiện về dấu tích khu mộ chum - vò tại hang núi đảo Lại Sơn và tại Bãi Ngự - đảo C Tron, xã An Sơn, quần đảo Nam Du, tỉnh Kiên Giang. Đây là những minh chứng khẳng định sự chiếm lĩnh, cư trú, làm chủ biển đảo vùng biển miền Nam Việt Nam của người Việt cổ...

Cho đến nay mới gặp 2 trường hợp đặc biệt về mộ ở các di tích hải đảo bên cạnh táng tục chủ đạo là mộ vò, đó là trường hợp mộ đất ở di chỉ Hòn Cau và mộ cải táng có xương chi trong quan tài trống đồng ở Lại Sơn. Đây là vấn đề mới phát hiện, còn chờ thêm tư liệu, điều tra, nghiên cứu mới. Hình thức mai táng chủ đạo là chôn thành khu mộ địa, tiêu biểu là khu mộ Cồn Hải Đăng, Cồn Miếu Bà - Côn Đảo. Trong mộ quan tài vò - chum, chưa phát hiện dấu vết di cốt nguyên hay cải táng. Mộ được chôn theo từng cụm hay nhóm và đều có đồ tùy táng. Đồ tùy táng có diễn biến sớm - muộn khác nhau. Cùng với chúng, vò táng cũng có những thay đổi, với sự xuất hiện loại vò nhỏ hoặc bình vai gầy, có lỗ ở chân đế. Không loại trừ có một sự giao lưu, trao đổi hay tác động nào đó đáng kể từ văn hóa Đông Sơn trong giai đoạn muộn của mộ nổi - bình ở Cồn Miếu Bà.

"Táng thức trong các di tích mộ táng ở Côn Đảo và Thổ Chu, tương tự như táng thức Sa Huỳnh ở đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi) và nhiều di tích khác ven biển miền Trung"¹.

Trong giai đoạn sơ kỳ thời đại đồ Sắt, nhóm cư dân tiền sử - sơ sử trên các hải đảo vùng biển miền Nam Việt Nam có những đặc trưng cơ bản của văn hóa Sa Huỳnh, như cư trú trên cồn, cạnh bãi, vụng biển, suối ở ven biển, đảo; sử dụng công cụ đá ghè đẽo, bôn cuốc răng trâu, gổm màu thổ hoàng; mai táng trong quan tài vò, chum trên cồn cát, bãi cát... Nhưng, việc sử dụng đủ các loại rìu bôn (chủ yếu là bôn cuốc hình răng trâu, mặt cắt chữ D), đục có vai và không có vai, mai táng trong quan tài chum - vò cũng là đặc trưng chung của văn hóa hậu kỳ thời đại Đồng và sơ kỳ thời đại Sắt ở Bắc Tây Nguyên, mà điển hình là vùng Kon Tum và văn hóa Lung Leng. Như vậy, không loại trừ khả năng có sự tham gia của cư dân Bắc Tây Nguyên (như Lung Leng) trong việc tạo dựng văn hóa Sa Huỳnh điển hình ven biển và hải đảo miền Trung và loại hình Sa Huỳnh hải đảo vùng ven biển miền Nam Việt Nam. Quá trình từ miền núi xuống đồng bằng, rồi ra biển từ phía Tây và từ vùng cao nguyên xuống sông Mekong ra

biển, có lẽ đã tạo ra hai trong ba ngã đường từ Bắc xuống Nam của cư dân Sa Huỳnh ven biển miền Trung cũng như quá trình lan tỏa xuống phương Nam của văn hóa Đông Sơn. Đó là những hợp nguồn tạo dựng sắc thái văn hóa hải đảo phương Nam của văn hóa Sa Huỳnh. Để đến lượt mình, nhóm cư dân này cũng là một trong những nguồn tạo dựng văn hóa Óc Eo và văn minh phía Nam. Tư liệu di vật và địa tầng ở Thổ Chu là những minh chứng cho quá trình này².

1.2. Do đòi hỏi của cuộc sống, mà ngay từ rất sớm, người xưa đã rất quan tâm và phát triển mối giao lưu kinh tế - văn hóa giữa rừng và biển. Điều này, đã trở thành một đặc trưng văn hóa của khu vực, đặc biệt là trong các cộng đồng cư dân khu vực miền Trung và Nam Trung Bộ nước ta. Ở đó, địa hình đất liền phân thành ba tiểu vùng rõ rệt: vùng núi cao - Tây Nguyên; đồng bằng và vùng ven biển - hải đảo. Điều kiện tự nhiên trong mỗi tiểu vùng có những đặc trưng khác nhau, góp phần tạo nên những thói quen, tập quán sinh hoạt kinh tế văn hóa khác nhau, song, không biệt lập nhau, mà luôn có những mối liên kết cộng sinh mạnh mẽ. Bởi vì, khoảng cách địa lý giữa rừng và biển ở nước ta không xa lắm, phần lớn chỉ khoảng vài chục km, thêm vào đó là hệ thống sông, ngòi khá dày đặc (chủ yếu chảy theo hướng Tây - Đông). Theo các dòng sông này, người dân miền núi có thể ra đến biển và ngược theo dòng sông, các sản phẩm của biển chẳng mấy chốc đã đến rừng.

1.3. Trong nhiều di chỉ thường thấy những sản phẩm được sản xuất bởi những cơ sở chuyên nghiệp, chứng tỏ, ngay từ thời tiền sử, giao lưu trên biển đã khá phát triển. Chẳng hạn, dựa vào những quan tài gốm hình trụ, hình trứng, hình cầu,... của cư dân văn hoá Sa Huỳnh ở ven biển miền Trung, miền Nam, hay trên đảo Lý Sơn, đảo Thổ Chu, đảo Hòn Tre, hoặc những chiếc trống đồng Đông Sơn trong khu vực, có thể thấy, từ xa xưa, giao lưu thương mại trên biển Đông đã phát triển khá mạnh.

Từ thời tiền sử, người xưa đã có khả năng đi biển khá giỏi. Các lớp văn hoá ở những di tích hải đảo ven biển nói chung, ven biển miền Nam nước ta nói riêng, đã cho thấy, những cộng đồng cư dân trên đảo Lý Sơn, Côn Đảo, Thổ Chu, Phú Quốc... từ xưa đã khai thác các nguồn lợi từ biển khá mạnh.

Trên đảo Palawan, thuộc Philippin, các nhà khảo cổ Philippin đã tìm thấy dấu tích của văn hoá Sa Huỳnh, trong đó có cả khuyên tai hai đầu thú. Phát

hiện này cho thấy sức lan toả mạnh mẽ của văn hoá Sa Huỳnh. Nhiều dụng cụ đi biển, những di vật được làm từ xương, vỏ nhuyễn thể biển, hình thuyền trên trống đồng Đông Sơn cho thấy, người Việt cổ đã khai thác biển, định cư và làm chủ trên các đảo thuộc lãnh hải Việt Nam tại biển Đông từ rất sớm và còn để lại các di tích, di vật khảo cổ học có niên đại từ 4 - 5 thế kỷ trước Công nguyên đến nay.

Qua nghiên cứu trống đồng Đông Sơn và khuyên tai hai đầu thú (bằng ngọc hay bằng thủy tinh, tìm thấy ở các quốc gia khác trong vùng), nhiều học giả cho rằng, hầu hết các trống thuộc loại Heger I ở Indonesia được nhập từ Bắc Việt Nam thời Đông Sơn (có thể muộn hơn một chút). Điều này chứng tỏ, ngay từ thời tiền sử, giao thương giữa các khu vực ven biển Đông đã rất phát triển. Theo con đường giao lưu thương mại trên biển, những chiếc trống đồng Đông Sơn và khuyên tai hai đầu thú đã được mang đi khắp khu vực Đông Nam Á. Đến nay, cư dân trong nhiều vùng ở Indonesia, đặc biệt là dân Toraja vẫn còn giữ truyền thống Đông Sơn - Họ vẫn làm các đồ vật với hoa văn trang trí thuần nét Đông Sơn, vẫn ở trong ngôi nhà có hình dáng tương đồng với ngôi nhà thường được thể hiện trên trống đồng Đông Sơn và đưa người chết về thế giới bên bằng chiếc quan tài mang hình dáng chiếc thuyền Đông Sơn...

1.4. Những tư liệu khảo cổ học cho thấy, ở ven biển miền Nam Việt Nam, cả trên đất liền và hải đảo, đã có cư dân sinh sống liên tục từ thời tiền - sơ sử. Đó là những bằng chứng xác thực, góp phần khẳng định chủ quyền lãnh thổ và lãnh hải thiêng liêng của Tổ quốc trong lịch sử...

2. ... đến sự có mặt liên tục của người Việt tại quần đảo Trường Sa

Các nhà khảo cổ học đã tiến hành điều tra khảo cổ tại quần đảo Trường Sa vào năm 1993 - 1994; khai quật có hệ thống tại đảo Trường Sa Lớn, Nam Yết vào năm 1995 và đảo Sơn Ca vào năm 1999; tại các đảo khác, cũng đều tiến hành điều tra và thu lượm hiện vật trên bề mặt. Từ những tư liệu thu được, chúng ta có thể khẳng định sự có mặt liên tục của người Việt Nam trên các hòn đảo thuộc quần đảo Trường Sa.

2.1. Trên đảo Trường Sa Lớn, đã phát hiện những mảnh gốm thô, có chất liệu, màu sắc, kỹ thuật chế tác tương tự như đồ gốm thuộc văn hoá Sa Huỳnh - một văn hoá thời đại Sắt, phân bố rộng ở đất liền, miền Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, có niên đại tương đương với văn hoá Đông Sơn ở Bắc Bộ và văn hoá

Dốc Chùa ở Nam Bộ. Những nghiên cứu khảo cổ học còn cho biết, trên đảo Palawan, một hòn đảo thuộc Phillippin, gần đảo Trường Sa, các nhà khảo cổ học Phillippin đã tìm thấy di tích văn hoá Sa Huỳnh, trong đó có khuyên tai hai đầu thú. Văn hoá Sa Huỳnh đã lan toả đến Phillippin thì gốm Sa Huỳnh có mặt ở Trường Sa là hiển nhiên.

2.2. Cùng với gốm thô Sa Huỳnh, trên đảo Trường Sa Lớn và Nam Yết, chúng ta đã phát hiện được đồ gốm sứ Việt Nam thuộc các thế kỷ muộn hơn, thuộc 2 giai đoạn: trước thế kỷ XV và sau thế kỷ XV đến thế kỷ XVIII. Nhóm có niên đại trước thế kỷ XV, có đặc trưng là hoa văn khắc chìm dưới men, men phủ bên ngoài có màu vàng chanh, tròn có bôi sôcôla mà số lượng không nhỏ có nguồn gốc từ Bắc Việt Nam. Nhóm có niên đại muộn, tập trung vào các thế kỷ XVII - XVIII, chủ yếu là sứ hoa lam, được làm từ cao lanh, bên ngoài phủ men tro, màu lam vẽ chìm dưới men.

2.3. Trên đảo Nam Yết và Song Tử Tây, qua điều tra, đã thu được 16 đồng tiền thời Nguyễn, có niên hiệu Minh Mạng và Tự Đức. Sự có mặt của tiền kim loại thời Nguyễn trên các đảo này, rất phù hợp với những ghi chép của Lê Quý Đôn trong *Phủ biên tạp lục*, viết năm 1776. Theo Lê Quý Đôn, các chúa Nguyễn ở Đàng Trong đã lập những đội Hoàng Sa và Bắc Hải để đến các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa, Côn Lôn cũng như các đảo ở Hà Tiên để thu hải sản và các sản vật của những tàu đắm. Tuy nhiên, với các hiện vật thu được trong các hố khai quật ở Trường Sa, cho thấy sự có mặt của người Việt trên các đảo này còn sớm hơn nhiều, ít ra là từ cuối thời Trần³.

2.4. Những tư liệu khảo cổ học trên quần đảo Trường Sa và các đảo ven bờ là cơ sở chứng minh về các hoạt động trên biển của cư dân Việt Nam trong lịch sử, góp phần khẳng định chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải của Việt Nam tại biển Đông./.

L.V.T

Chú thích:

1- Nguyễn Trung Chiến, "Thời tiền - sơ sử trên các hải đảo vùng biển Kiên Giang qua phát hiện khảo cổ học năm 2008", *Khảo cổ học*, số 2/2010, tr. 13 - 24.

2- Lại Văn Tới, "Thời Tiền - sơ sử trên các đảo ven biển miền Nam Việt Nam", trong *Người Việt với biển*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2013, tr. 75 - 94.

3- Hà Văn Tấn, "Nhận xét kết quả các chương trình khảo cổ học Trường Sa, Tây Nguyên, Nam Bộ", *Khảo cổ học*, số 4/1996, tr. 5 - 10.

(Ngày nhận bài: 3/7/2014; Ngày phản biện đánh giá: 18/8/2014; Ngày duyệt đăng bài: 21/8/2014)